

Bản án số: 14/2017/HSST

Ngày: 29/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Chí Tuyên.

- Ông Bùi Trung.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Phong – Cán bộ
Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Công Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh
Quảng Ngãi. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ
án hình sự thụ lý số 15/2017/HSST ngày 14 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mộng T Tên gọi khác: M;

Sinh năm 1968, tại: Tỉnh T;

Nơi ĐKKHKT: phường 14, Quận 4, TP. H;

Chỗ ở trước khi trốn: Tập thể Công ty TNHH may V, tỉnh Quảng Ngãi;

Nghề nghiệp: Buôn bán;

Trình độ học vấn: 3/12;

Con ông Nguyễn Long L (chết) và bà Võ Thị Thanh L;

Có chồng: Trần Văn C sinh năm 1965 (Không đăng ký kết hôn);

Có 03 con, 01 con chồng trước (Mai Văn H) sinh năm 1983; 02 con chồng
sau (Trần Văn C), lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 2002;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2000 bị Tòa án nhân dân thành phố V kết án 15 tháng tù
về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, ngày 13/9/2001 chấp hành xong hình phạt.
Ngày 17/7/2003, bị Tòa án nhân dân Quận 2, thành phố H kết án 9 tháng tù về tội
“*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tháng 12/2003 chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2016 cho đến nay; có mặt
tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1957; Trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt tại phiên tòa.

2. Anh Nguyễn Đức D, sinh năm: 1987; Trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt tại phiên tòa.

3. Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm: 1979; Trú tại: phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt tại phiên tòa.

4. Bà Bùi Thị Thanh H, sinh năm: 1972; Trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt tại phiên tòa.

5. Bà Lê Thị T, sinh năm: 1963; Trú tại: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1966; Trú tại: quận 4, thành phố H, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Đỗ H, sinh năm: 1973; NĐKHKT: phường B, quận 7, thành phố H; Chỗ ở hiện nay: Công ty V, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Chị Nguyễn Ngọc D, sinh năm: 1990; Trú tại: quận 4, TP. H, vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Thị Mộng T bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 16/4/2014, Nguyễn Thị Mộng T ký hợp đồng thuê sử dụng Căn tin của Công ty TNHH may V tại thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi để bán bánh, nước giải khát, đồ ăn sáng, mì gói cho cán bộ, nhân viên trong Công ty (T là em vợ của ông Nguyễn Văn H - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty TNHH may V, tỉnh Quảng Ngãi). Ngoài những nội dung đã được ký kết trong hợp đồng, Nguyễn Thị Mộng T không có chức năng, nhiệm vụ quyền hạn gì trong Công ty V. Vì cần tiền đầu tư sửa chữa căn tin mà bản thân T không có vốn nên thông qua Nguyễn Đức D (sinh năm: 1987, trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi – là người bán hàng tạp hóa cho T), T quen biết bà Nguyễn Thị D (sinh năm: 1957, trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi – là mẹ đẻ của D), T đã vay tiền bà D dùng vào việc sửa chữa căn tin, mua hàng tạp hóa bán và đều trả tiền sòng phẳng. Sau đó, T tiếp tục vay tiền bà D để mua hàng tạp hóa bán và chi phí sinh hoạt trong gia đình, tuy nhiên lợi nhuận từ việc bán Căn tin không đủ trả nợ. Do đó, để có tiền trả nợ, chi phí sinh hoạt trong gia đình, sử dụng nhu cầu cá nhân; T đã lợi dụng danh nghĩa là em vợ của ông Nguyễn Văn H, T nói dối với người bị hại là Công ty giao cho T bán sữa cho công nhân uống tăng ca; T tự đặt ra số tiền một chân sữa là 27.000.000 đồng, 35.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận từ 200.000 đồng – 320.000 đồng/ngày; khi nào cần lấy lại vốn thì báo trước để T trả lại tiền và T đã dùng chính tiền vay được của những người bị hại trả tiền lãi để tạo niềm tin, làm cho người bị hại tin là thật nên giao tiền cho T. Sau khi chiếm đoạt tiền T không trả như đã cam kết mà bỏ trốn. Với thủ đoạn trên, trong khoảng thời gian từ ngày 28/7/2014 (02/7/2014ÂL) đến ngày

10/5/2015 (22/3/2015ÂL) T đã chiếm đoạt của 05 người với tổng số tiền: **5.474.500.000 đồng** (Năm tỷ bốn trăm bảy mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng), cụ thể như sau:

1. Từ ngày 28/7/2014 (02/7/2014ÂL) đến ngày 10/5/2015 (22/3/2015ÂL) Nguyễn Thị Mộng T đã nhiều lần chiếm đoạt của **bà Nguyễn Thị D** tổng số tiền: **3.539.500.000 đồng** (Ba tỷ năm trăm ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Từ ngày 20/12/2014 (29/11/2014 ÂL) đến ngày 28/02/2015 (10/01/2015ÂL), T đã nhiều lần chiếm đoạt của **bà Lê Thị T** (sinh năm: 1963), trú tại thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi) số tiền **980.000.000 đồng** (Chín trăm tám mươi triệu đồng).

3. Từ ngày 22/11/2014 (01/10/2014ÂL) đến ngày 06/02/2015 (18/12/2015ÂL), T đã nhiều lần chiếm đoạt của **bà Bùi Thị Thanh H** (sinh năm: 1972, trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi) số tiền **595.000.000 đồng** (Năm trăm chín mươi lăm triệu đồng).

4. Từ ngày 24/8/2014 (04/8/2014ÂL) đến ngày 25/3/2015 (06/02/2015ÂL), T đã nhiều lần chiếm đoạt của **Anh Nguyễn Đức D** số tiền **201.000.000 đồng** (Hai trăm lẻ một triệu đồng).

5. Từ ngày 22/6/2014 (25/5/2014ÂL) đến ngày 30/4/2015 (12/3/2015ÂL), T đã nhiều lần chiếm đoạt của **bà Nguyễn Thị Thanh N** (sinh năm: 1979, trú tại: tổ 18, phường C, thành phố Q) số tiền **105.000.000 đồng** (Một trăm lẻ năm triệu đồng).

* Ngoài hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như đã nêu trên, trong thời gian từ ngày 10/9/2014 (17/8/2014ÂL) đến ngày 26/7/2015 (11/6/2015ÂL) thông qua mối quan hệ quen biết T còn vay tiền của 06 người rồi cho người khác vay lại hưởng lãi xuất chênh lệch; T còn nợ chơi hội; vay, mượn sử dụng việc riêng với tổng số tiền **3.257.285.000 đồng** (Ba tỷ hai trăm năm mươi bảy triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Trong thời gian đầu, T cũng thực hiện việc trả lãi và gốc cho các bị hại nhưng lợi nhuận từ việc kinh doanh không đủ để trả nợ nên T chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, cụ thể:

1. Từ ngày 10/9/2014 (17/8/2014ÂL) đến ngày 26/7/2015 (11/6/2015ÂL) Nguyễn Thị Mộng T đã vay tiền của **bà Nguyễn Thị D** nhiều lần, cụ thể:

- Tiền vay cho người khác vay lại: **1.734.000.000 đồng** (Một tỷ bảy trăm ba mươi tư triệu đồng), lãi xuất từ 120.000 đồng/ngày – 8.000.000 đồng/tháng, T đã trả 124.500.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi. T còn nợ bà D tiền gốc là **1.609.500.000 đồng** (Một tỷ sáu trăm lẻ chín triệu năm trăm nghìn đồng).

- Nợ tiền biếu là **55.000.000 đồng** (Năm mươi lăm triệu đồng).

- T vay, mượn để sử dụng vào việc riêng: **66.000.000 đồng** (Sáu mươi sáu triệu đồng), lãi xuất từ 50.000 đồng – 200.000 đồng/ngày, T đã trả tiền gốc 18.000.000 đồng, còn nợ gốc **48.000.000 đồng** (Bốn mươi tám triệu đồng).

Ngoài ra, bà D khai T còn nợ bà 15 chỉ vàng 9999, 20 chỉ vàng SJC và 01 sợi dây chuyền vàng 18k (là khoản mượn không có chứng từ) nhưng T chỉ thừa nhận nợ bà D 05 chỉ vàng 9999 ngày 17/5/2015 (29/3/2015ÂL). Trước khi bỏ trốn, T thế chấp cho bà D 01 chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 9999 và chiếc nhẫn vàng tây. Quá trình điều tra, hai bên đã tự nguyện viết giấy thỏa thuận cản trừ nợ cho

bà D 05 chỉ vàng 9999, riêng 02 chiếc nhẫn vàng tây, trị giá tương đương số tiền 5.000.000 đồng; hiện còn nợ bà D số tiền **43.000.000 đồng** (Bốn mươi ba triệu đồng).

Như vậy, tổng cộng tiền T đã vay, mượn còn nợ bà D là **1.707.500.000 đồng** (Một tỷ bảy trăm lẻ bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Từ ngày 19/4/2015 (01/3/2015ÂL) đến ngày 17/5/2015 (29/3/2015ÂL), T đã vay tiền của **bà Lê Thị T** nhiều lần để cho người khác vay lại, số tiền **1.500.000.000 đồng**, lãi xuất từ 1.500.000 đồng - 4.000.000 đồng/tháng, T đã trả gốc 393.000.000 đồng. T còn nợ bà T tiền gốc **1.107.000.000 đồng** (Một tỷ một trăm lẻ bảy triệu đồng).

3. Từ ngày 26/5/2015 (09/4/2015ÂL) đến ngày 15/7/2015 (30/5/2015ÂL) T đã vay tiền của **bà Bùi Thị Thanh H** nhiều lần để cho người khác vay lại, số tiền **309.000.000 đồng** (Ba trăm lẻ chín triệu đồng), trong đó:

- Ngày 26/5/2015 (09/4/2015ÂL), T vay 270.000.000 đồng, lãi xuất 1%/tuần; T đã trả gốc 10.000.000 đồng còn nợ 260.000.000 đồng.

- Ngày 13/7/2015 (28/5/2015ÂL), T vay 90.000.000 đồng, lãi xuất 3.600.000 đồng; T đã trả tiền gốc 21.000.000 đồng còn nợ 69.000.000 đồng.

- Ngày 15/7/2015 (30/5/2015ÂL), T vay 30.000.000 đồng, lãi xuất 1.200.000 đồng; T còn nợ số tiền trên.

Hiện nay, T còn nợ khoản tiền này **359.000.000 đồng** (Ba trăm năm mươi chín triệu đồng).

4. Ngoài khoản tiền chiếm đoạt của Nguyễn Đức D bằng hình thức góp mua sữa như đã nêu trên, thì trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2015, T mua hàng tạp hóa và còn nợ của anh D số tiền **41.985.000 đồng** (Bốn mươi một triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

5. Ngoài khoản tiền chiếm đoạt của bà **Nguyễn Thị Thanh N** bằng hình thức góp mua sữa nêu trên, thì bà N còn khai vào tháng 9/2014, T còn vay của bà N số tiền 6.000.000 đồng để mua gạo nhưng bị cáo T không thừa nhận vì T đã trả xong và cũng không có tài liệu, sổ sách, chứng từ chứng minh nên không đủ cơ sở để kết luận số tiền này.

6. Từ ngày 10/7/2015 (25/5/2015ÂL) đến ngày 23/7/2015 (08/6/2015ÂL), Nguyễn Thị Mộng T nhiều lần vay tiền của **bà Nguyễn Thị H** (sinh năm: 1957, trú tại: TDP 1, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi), cụ thể:

- Tiền vay mua thực phẩm: **50.000.000 đồng** (Năm mươi triệu đồng), trong đó: ngày 10/7/2015 (25/5/2015ÂL) 40.000.000 đồng; ngày 19/7/2015 (04/6/2015ÂL) 10.000.000 đồng, T đã trả tiền gốc 32.000.000 đồng; hiện T còn nợ bà Huệ số tiền **18.000.000 đồng** (Mười tám triệu đồng).

- Tiền mua ti vi: **23.800.000 đồng** ngày 23/7/2015 (08/6/2015ÂL), lãi xuất 6.200.000 đồng, hiện T còn nợ bà H số tiền trên.

Như vậy, tổng cộng số tiền T còn nợ bà H là **41.800.000 đồng** (Bốn mươi một triệu tám trăm nghìn đồng).

Theo lời khai của bị cáo T: Bị cáo có mua 01 căn nhà cấp 4, diện tích đất: 68m² (rộng 4m, dài 17m) gần ngã tư Miếu Ông C (thuộc phường A, thị xã T, tỉnh B) số tiền 380.000.000 đồng mua nhà thông qua dịch vụ cò (môi giới) vào tháng

4/2015, khoảng 3 - 4 tháng sau thì T bán lại căn nhà trên với giá 300.000.000 đồng; việc bán nhà cũng thông qua dịch vụ cò (môi giới) nên không rõ cụ thể ai mua và mua nhà đó của ai, địa chỉ cụ thể của thửa đất này vì nhà đất chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu, chỉ bán bằng giấy viết tay (Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được cụ thể địa chỉ, chủ nhà và đất đã bán của bị cáo).

Tại bản cáo trạng số 615/QĐ-VKS ngày 11/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố Nguyễn Thị Mộng T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mộng T từ 13 năm đến 14 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

**Về dân sự:* Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, tuyên buộc:

Bị cáo Nguyễn Thị Mộng T phải có trách nhiệm trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho những người, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị D số tiền 3.593.500.000 đồng (Ba tỷ năm chín mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bà Lê Thị T số tiền 980.000.000 đồng (Chín trăm tám chục triệu đồng).

- Bà Nguyễn Thị Thanh N số tiền 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng).

- Bà Bùi Thị Thanh H số tiền 595.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi lăm triệu đồng) .

- Anh Nguyễn Đức D số tiền 201.000.000 đồng (hai trăm lẻ một triệu đồng) .

Tổng số tiền 5.474.500.000 đồng.

** Xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tiếp tục kê biên 01 tủ lạnh nhãn hiệu SANAKY Model VH.8009HP, 01 tủ lạnh nhãn hiệu SANAKY Model VH.351K, 01 tủ lạnh SANAKY Model VH.301K, 01 máy giặt nhãn hiệu SHARP Model ES-N95FV để đảm bảo thi hành án.

Trả hai cuốn sổ tay đã tịch thu trong hồ sơ vụ án cho bị cáo Nguyễn Thị Mộng T.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Mộng T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Thị Mộng T ký hợp đồng thuê sử dụng căn tin tại Công ty V để bán thức ăn,

nước giải khát cho công nhân của công ty. Vì cần tiền đầu tư sửa chữa căn tin, mua hàng tạp hóa bán và chi phí sinh hoạt trong gia đình nên T đã vay tiền của nhiều người. Tuy nhiên, lợi nhuận từ việc buôn bán tại căn tin không đủ để trả nợ, chi phí sinh hoạt trong gia đình, sử dụng nhu cầu cá nhân. Do đó, trong khoảng thời gian từ ngày 28/7/2014 đến ngày 10/5/2015 bị cáo T đã lợi dụng danh nghĩa mình là em vợ của ông Nguyễn Văn H – Phó Chủ tịch HĐQT của Công ty TNHH may V; T nói dối với người bị hại là Công ty giao cho T mua sữa để bán cho công nhân uống tăng ca và tự đặt ra số tiền một chân sữa là 25.000.000 đồng, 35.000.000 đồng, lãi suất từ 200.000 - 320.000 đồng/ngày. Sau đó, T dùng chính tiền đã lừa đảo được trả lãi cho người bị hại để tạo niềm tin cho họ. Bằng thủ đoạn này T đã lừa dối chiếm đoạt của Bà Nguyễn Thị D số tiền 3.593.500.000 đồng; bà Lê Thị T số tiền 980.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Thanh N số tiền 105.000.000 đồng; bà Bùi Thị Thanh H số tiền 595.000.000 đồng; Anh Nguyễn Đức D số tiền 201.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của 05 người bị hại là 5.474.500.000 đồng (Năm tỷ bốn trăm bảy mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị Mộng T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Bị cáo từng có 02 tiền án về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, đã chấp hành xong hình phạt tù và được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, không lo làm ăn lương thiện, rèn luyện bản thân để trở thành công dân có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” nhiều lần đối với bà Nguyễn Thị D, bà Lê Thị T, bà Nguyễn Thị Thanh N, bà Bùi Thị Thanh H và Anh Nguyễn Đức D. Do đó, cần phải áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội nhiều lần*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Nên cần tuyên phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự được áp dụng cho bị cáo.

** Về trách nhiệm dân sự:*

- *Đối với khoản tiền lừa đảo:* Buộc bị cáo Nguyễn Thị Mộng T phải có trách nhiệm trả lại cho 05 người bị hại tổng số tiền 5.474.500.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt, cụ thể:

- + Bà Nguyễn Thị D số tiền 3.593.500.000 đồng.
- + Bà Lê Thị T số tiền 980.000.000 đồng.
- + Bà Nguyễn Thị Thanh N số tiền 105.000.000 đồng.
- + Bà Bùi Thị Thanh H số tiền 595.000.000 đồng.
- + Anh Nguyễn Đức D số tiền 201.000.000 đồng.

- *Đối với các khoản tiền nợ mua hàng hóa, vay, chơi hụi:* Ngoài số tiền bị cáo lừa đảo trên thì bị cáo T còn vay, mượn, chơi hụi, mua hàng hóa còn nợ của bà Nguyễn Thị D 1.707.500.000 đồng; bà Lê Thị T 1.107.000.000 đồng; bà Bùi

Thị Thanh H 359.000.000 đồng, Anh Nguyễn Đức D 41.985.000 đồng; bà Nguyễn Thị H 41.800.000 đồng sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Đối với ông Trần Văn C và chị Nguyễn Ngọc D: Trong quá trình bị cáo Nguyễn Thị Mộng T thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với bà D, bà T, bà N, bà H và Anh D thì ông C, chị D không tham gia và không biết. Nên Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông C và chị D là có căn cứ.

** Về xử lý vật chứng:*

- Tiếp tục kê biên 01 tủ lạnh nhãn hiệu SANAKY Model VH.8009HP, 01 tủ lạnh nhãn hiệu SANAKY Model VH.351K, 01 tủ lạnh SANAKY Model VH.301K, 01 máy giặt nhãn hiệu SHARP Model ES-N95FV để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/7/2017 giữa Công an tỉnh Quảng Ngãi và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi).

- Đối với 02 cuốn sổ ghi nợ mua bán hàng của bị cáo Nguyễn Thị Mộng T mà Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi đã thu giữ (Theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 23/01/2017) không liên quan đến hành vi lừa đảo của bị cáo T nên tuyên trả lại cho bị cáo T.

** Về án phí:* Bị cáo Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 113.474.500 đồng (112.000.000 đồng + 0,1% x 1.474.500.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Mộng T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 điều 48; Điều 33 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mộng T 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 26/12/2016.

** Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự. Tuyên buộc:

Bị cáo Nguyễn Thị Mộng T phải có trách nhiệm trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho những người, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị D số tiền 3.593.500.000 đồng (Ba tỷ năm chín mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bà Lê Thị T số tiền 980.000.000 đồng (Chín trăm tám mươi triệu đồng).

- Bà Nguyễn Thị Thanh N số tiền 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng).

- Bà Bùi Thị Thanh H số tiền 595.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi lăm triệu đồng) .

- Anh Nguyễn Đức D số tiền 201.000.000 đồng (Hai trăm lẻ một triệu đồng) .

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho

người được thi hành án khoản tiền lãi suất theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chậm thi hành án, cho đến khi thi hành xong bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

** Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tuyên tiếp tục kê biên 01 tủ lạnh nhãn hiệu SANAKY Model VH.8009HP, 01 tủ lạnh nhãn hiệu SANAKY Model VH.351K, 01 tủ lạnh SANAKY Model VH.301K, 01 máy giặt nhãn hiệu SHARP Model ES-N95FV để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/7/2017 giữa Công an tỉnh Quảng Ngãi và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi).

- Tuyên trả 02 cuốn sổ ghi nợ tiền mua bán hàng cho bị cáo Nguyễn Thị Mộng T, gồm: 01 cuốn sổ bìa màu đỏ được đánh số bút lục từ 01 đến 331 và 01 cuốn sổ không có bìa được đánh số bút lục từ 01 đến 110.

** Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Bị cáo Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 113.474.500 đồng (Một trăm mười ba triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xử công khai, bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Bé